TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Bà Dương Thị Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Lý Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1984

Căn cước công dân số: 020184002153, cấp ngày 16/12/2024, do Bộ C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Đình T, sinh năm 1982.

Căn cước công dân số: 020082002012, cấp ngày 25/4/2021, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N kết hôn với anh Hoàng Đình T vào năm 2009, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được hơn 14 năm, tuy nhiên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do anh Hoàng Văn T1 hay đi uống rượu, không tu chí làm ăn chị Hoàng Thị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ngày càng uống rượu nhiều hơn, khi uống rượu về thì hay chửi, đánh vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình T.

Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đình T có 02 (hai) người con chung tên là Hoàng Huyền L, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Duy K, sinh ngày 08/9/2015. Khi ly hôn chị Hoàng Thị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Hoàng Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Đình T vắng mặt, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xác minh với đại diện thôn N, xã H và kết quả xác minh tại Công an xã H, đại diện thôn N, xã H và Công an xã H đều khẳng định anh Hoàng Đình T vẫn cư trú tại thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Hoàng Đình T không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Hoàng Đình T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hoàng Thị N đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Đình T vắng mặt

tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Đình T. Về con chung: Có 02 người con chung tên là Hoàng Huyền L, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Duy K, sinh ngày 08/9/2015. Khi ly hôn, giao 02 con chung cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Hoàng Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa lần hai các đương sự vắng mặt, nguyên đơn chị HoàngThị N1 có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Đình T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đình T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/12/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đình T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Đình T không tu chí làm ăn, thường xuyên hay đi uống rượu về hay chửi, đánh vợ con, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đình T thấy rằng: Anh Hoàng Đình T không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn và cũng không có ý kiến gì về việc chị Hoàng Thị N có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đình T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Hoàng Thị N yêu cầu ly

hôn với anh Hoàng Đình T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đình T có 02 (hai) người con chung tên là Hoàng Huyền L, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Duy K, sinh ngày 08/9/2015. Khi ly hôn chị Hoàng Thị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Hoàng Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh Hoàng Đình T quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Hoàng Thị N về con chung là có căn cứ nên cần chấp nhận, khi ly hôn giao hai con chung là cháu Hoàng Huyền L, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Duy K, sinh ngày 08/9/2015 cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Hoàng Huyền L và cháu Hoàng Duy K; anh Hoàng Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Hoàng Thị N không yêu cầu; anh Hoàng Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị N, quá trình giải quyết vụ án trình bày là không có, còn anh Hoàng Đình T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước Khu vực V – Phòng nghiệp vụ 2.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Hoàng Đình T.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Hoàng Đình T có 02 (hai) người con chung tên là Hoàng Huyền L, sinh ngày 30/9/2010 và Hoàng Duy K, sinh ngày 08/9/2015. Khi ly hôn giao hai con chung là cháu Hoàng Huyền L và Hoàng Duy K cho chị Hoàng Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Hoàng Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Hoàng Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước Khu vực V – Phòng nghiệp vụ 2.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N, bị đơn anh Hoàng Đình T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc